TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST Ngày: 20-11-2017 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Phạm Văn Ven.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 159/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thu T - Sinh năm 1992 - Địa chỉ: Ấp ML, xã MTT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trang Văn K - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MTB, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 8 năm 2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu T trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Trang Văn K cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc ngày 13-10-2015. Chung sống đến tháng 6-2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và về quản lý kinh tế, vợ chồng thường gây gổ, mất hạnh phúc. Bà và ông K đã ly thân từ tháng 5-2017.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trang Văn K.

Về nuôi con chung: Bà và ông K có 01 con chung tên Trang Đỗ Gia B, sinh ngày 28-02-2017, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 03 tháng 11 năm 2017, bị đơn là ông Trang Văn K trình bày và yêu cầu: Ông thống nhất theo trình bày của bà Đỗ Thị Thu T về ngày tháng năm, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, thời gian ly thân và việc không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu T.

Về nuôi con chung: Ông đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ngày 03-11-2017, ông Trang Văn K có đơn xin giải quyết vắng mặt; Ngày 09-11-2017, bà Đỗ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đỗ Thị Thu T khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Trang Văn K, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà Đỗ Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trang Văn K có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T và trình bày của ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Trang Văn K được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông K chỉ có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải. Ông K không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và không tham gia hòa giải vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Bà T và ông K chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện H, tỉnh Long An ngày 13-10-2015. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[6] Xét về hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông K vì cho rằng do bất đồng quan điểm sống và về quản lý kinh tế, vợ chồng thường gây gổ, mất hạnh phúc. Ông K đồng ý ly hôn.

Xét bà T và ông K đã ly thân từ tháng 5-2017, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn và ông K đồng ý ly hôn là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[7] Xét về nuôi con chung: Bà T và ông K trình bày có 01 con chung tên Trang Đỗ Gia B, sinh ngày 28-02-2017, hiện đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K chấp nhận theo yêu cầu của bà T. Việc yêu cầu và chấp nhận của hai đương sự là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại các Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[8] Xét về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông K trình bày trình bày không có, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; Bà T được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa Án.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Bà Đỗ Thị Thu T được ly hôn với ông Trang Văn K.

2. Về nuôi con chung: Bà Đỗ Thị Thu T được trực tiếp nuôi con chung tên Trang Đỗ Gia B, sinh ngày 28-02-2017, hiện đang sống với bà T.

Ông Trang Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà T và ông K được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng

nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Theo Biên lai thu số 0008010 ngày 05-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTB;
(để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương